

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 18/01/2024

*“V/v: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh
Nguyễn Ngọc B”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Lưu Bá Ngọc

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội có Thông báo số 03/TB-VKS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc không tham gia phiên tòa xét xử vụ án

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HPT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 2000

Nơi ĐKKH: thôn Liên T, xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội

Nơi ở: thôn Đại Từ, xã Lam Đ, huyện Chương M, Hà Nội

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1997

ĐKKHKT và nơi ở: Số nhà 01, đường 2, xóm 02, ngõ 02, thôn Liên T, xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội.

(Tại phiên tòa: chị H có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc B sau một thời gian tìm hiểu nhau đã tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương T, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2021. Hai bên xác lập quan hệ hôn nhân và sống chung với nhau tại thôn Liên T, xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng tH xuyên xảy ra cãi vã, anh B có hành vi bạo hành, nhiều lần đánh đập, đe dọa chị H, khiến chị luôn sống trong lo sợ và bạo hành gia đình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H trình bày quá trình chung sống, chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 11/3/2022. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc B trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương T, huyện Thanh O năm 2021. Quá trình chung sống, anh B thừa nhận vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không thể cứu vãn được. Đối với yêu cầu ly hôn của chị H, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B đồng ý với lời trình bày của chị H là anh và chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 11/3/2022. Sau khi ly hôn, anh có ý kiến nhận nuôi cháu L và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc B nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh B có hộ khẩu tH trú tại thôn Liên T, xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội năm 2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Liên T, xã Phương T, huyện Thanh O, Hà Nội. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau và có hành vi bạo lực gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh B không đến tham gia hòa giải, dẫn đến việc hòa giải không thành. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã đi đến mức độ trầm trọng và có hành vi của bạo lực gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh B.

[2.2] Về con chung: Quá trình kết hôn và chung sống với nhau, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 11/3/2022. Tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi ý kiến và có quan điểm: Chị để anh Nguyễn Ngọc B tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Phát L. Chị cho rằng khi chị đến thăm con anh B gây khó khăn không muốn chị được thăm con, vì thế chị để anh B tiếp tục nuôi cháu L. Còn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung là tùy tâm của chị đối với cháu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc B được ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

Giao cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 11/3/2022 cho anh Nguyễn Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác.

Tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho chị Nguyễn Thị H cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0020533 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND Phường T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TIẾN DŨNG